

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CP
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2023/DS-ST
Ngày: 03-02-2023
“V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Cao Trí
2. Ông Nguyễn Hoàng Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện CP.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Trang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện CP, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 267/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 490/2022/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965 (có mặt)

Nơi cư trú: Số A, tổ a, ấp B, xã B, huyện CP, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Tô Văn Đ, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Ấp C, xã B, huyện CP, tỉnh An Giang (có mặt)

- Bị đơn: Ông Trần Văn C, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Bà Lâm Thị Bích L, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Cùng cư trú: Tổ A, ấp B, xã B, huyện CP, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/10/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Do quen biết nên bà có cho bà Lâm Thị Bích L vay tiền vào các lần cụ thể như sau:

- Ngày 16/04/2022 (âm lịch) bà L vay của bà số tiền 25.000.000 đồng, mục đích vay để điều trị bệnh và đóng tiền học, có thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, bà L thỏa thuận đến ngày 16/5/2022 (âm lịch) sẽ trả tiền vốn và đóng lãi cho bà. Tuy nhiên, khi đến hạn thì bà L không trả tiền vốn nhưng có trả lãi cho bà, bà có nhận tiền lãi của bà L từ tháng 5/2022 (âm lịch) đến tháng 8/2022 (âm lịch) với số tiền lãi tổng cộng là 750.000 đồng x 04 tháng = 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), từ tháng 9/2022 (âm lịch) đến nay thì ngưng trả tiền lãi và cũng không trả tiền vốn cho bà.

- Ngày 08/6/2022 bà L có vay của bà số tiền 10.000.000 đồng, mục đích vay để có tiền chi tiêu cho đám giỗ, bà L thỏa thuận 10 ngày sau sẽ trả toàn bộ số tiền vốn cho bà nên bà không tính lãi. Tuy nhiên khi đến hạn bà L không trả tiền vốn cho bà, giữa bà và bà L thỏa thuận bà L góp cho bà mỗi ngày 300.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ gốc, không tính lãi. Bà L có góp cho bà được 22 ngày x 300.000 đồng = 6.600.000 đồng (sáu triệu sáu trăm nghìn đồng), sau đó thì ngưng trả nợ cho đến nay.

Nay bà yêu cầu ông Trần Văn C và bà Lâm Thị Bích L trả cho bà số tiền vốn vay tổng cộng là 28.400.000 đồng (hai mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng). Bà xin rút lại toàn bộ yêu cầu tính lãi suất 1,6%/tháng đối với số tiền 25.000.000 đồng, kể từ ngày 09/9/2022 cho đến khi trả xong nợ. Ngoài ra, đối với số tiền lãi bà L đã đóng trên số tiền vốn gốc 25.000.000 đồng với lãi suất 3%/tháng là vượt quá quy định của pháp luật nên bà đồng ý điều chỉnh lại theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Trần Văn C, bà Lâm Thị Bích L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến về vụ án.

Tại phiên tòa,

- Bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông C, bà L phải trả cho bà số tiền vay còn nợ là 28.400.000 đồng (hai mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng). Trong đó, tiền vốn là 25.000.000 đồng, tiền góp còn nợ là 3.400.000 đồng. Bà xin rút lại toàn bộ yêu cầu tính lãi suất 1,6%/tháng đối với số tiền 25.000.000 đồng, kể từ ngày 09/9/2022 cho đến khi trả xong nợ. Ngoài ra, đối với số tiền lãi bà L đã đóng trên số tiền vốn gốc 25.000.000 đồng với lãi suất 3%/tháng là vượt quá quy định của pháp luật nên bà đồng ý điều chỉnh lại theo quy định của pháp luật.

- Ông C, bà L vắng mặt tại phiên tòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà, người tham gia tố tụng trong quá giải quyết vụ án và nêu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn Toà án đã triệu tập hợp lệ và tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ và đúng quy định nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H. Buộc ông Trần Văn C, bà Lâm Thị Bích L liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền vốn vay tổng cộng là 28.400.000 đồng. Đối với việc bà L đã trả lãi cho bà H số tiền 3.000.000 đồng trên số tiền vốn gốc 25.000.000 đồng, với mức lãi suất 3%/tháng tương đương 36%/năm là vượt quá quy định của pháp luật, yêu cầu điều chỉnh lại và khấu trừ số tiền lãi đã vượt 1.330.000 đồng vào số tiền nợ gốc nêu trên, ông C, bà L phải trả cho bà H số tiền 27.070.000 đồng. Đề nghị đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Trần Văn C, bà Lâm Thị Bích L về yêu cầu tính lãi suất. Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp dân sự - hợp đồng vay tài sản.

Bị đơn có địa chỉ cư trú trên địa bàn huyện CP, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện CP có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự:

Các đương sự đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ. Tại phiên toà nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do

nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hợp đồng vay tài sản: Bà H khởi kiện yêu cầu ông C, bà L liên đới trả cho bà số tiền vay còn nợ là 28.400.000 đồng (hai mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng). Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là các biên nhận nợ ngày 16/4/2022 và biên nhận nợ có ghi từ ngày mùng 8/6/2022 đến ngày 18/6/2022, biên nhận nợ có chữ ký, ghi đầy đủ họ và tên của bà L. Hội đồng xét xử thấy rằng, căn cứ vào biên nhận nợ ngày 16/4/2022 và thể hiện “*Tôi tên Nguyễn Thị H, ngụ tại ấp B, xã B, CP, An Giang có cho bà Lâm Thị Bích L (vợ T nước đá) ngụ tại ấp B, xã B, CP, An Giang mượn số tiền là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng)*” và biên nhận nợ có ghi từ ngày mùng 8/6/2022 đến ngày 18/6/2022 thể hiện “*Tôi Nguyễn Thị H có cho chị vợ anh T bán nước đá mượn 10.000.000, mười triệu ...*”. Cả hai biên nhận này đều có chữ ký của bà Lâm Thị Bích L, có thể hiện số tiền vay, không thể hiện lãi suất. Từ đó, có cơ sở xác định giữa bà H và bà L có xác lập hợp đồng vay tài sản. Các hợp đồng vay này của bà H và bà L là những người có đủ năng lực hành vi dân sự giao kết hợp đồng, xác lập trên cơ sở tự nguyện, nội dung không vi phạm điều cấm và không trái pháp luật, hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, xác định hợp đồng này là hợp pháp theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, các bên phải thực hiện đúng nghĩa vụ của mình đã giao kết. Xét thấy, bà L đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo thỏa thuận nên bà H khởi kiện bà L yêu cầu trả tiền vốn vay là phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Mặc dù, ông Trần Văn C không trực tiếp vay tiền, nhận tiền và ký nhận nợ của bà H, nhưng theo bà H trình bày bà L và ông C là vợ chồng, bà L vay tiền để điều trị bệnh, đóng tiền hui và chi tiêu cho đám giỗ. Ngoài ra, khi bà L không trả nợ thì bà H có gặp ông C, thường ngày ông C có giao nước đá cho bà, hiện nay vẫn còn giao nước đá cho bà nên bà có cho ông C biết và ông C hứa về bàn bạc lại mới trả nợ cho bà. Ngoài ra trong biên nhận nợ ngày 16/4/2022 và có ghi “*Vợ C nước đá*”. Điều này thể hiện giữa bà H, ông C, bà L có mối quan hệ làm ăn mua bán thường xuyên với nhau. Về phía bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không gửi văn bản trình bày ý kiến, không có ý kiến phản đối gì đối với nội dung trình bày, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử thấy rằng, việc vay tiền của bà L là trong thời kỳ hôn nhân, mục đích vay là để phục vụ nhu cầu thiết yếu cho gia đình nên ông C, bà L phải cùng có trách nhiệm trả nợ là phù hợp. Do đó,

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là phù hợp theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Đối với việc bà L đã trả cho bà H số tiền lãi 3.000.000 đồng của số tiền vốn vay 25.000.000 đồng, với mức lãi suất 3%/tháng tương đương 36%/năm là vượt quá quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà thì nguyên đơn thừa nhận bị đơn có đóng tiền lãi, yêu cầu điều chỉnh lại, đồng ý khấu trừ vào số tiền vốn gốc còn nợ của bị đơn, yêu cầu này của nguyên đơn có lợi cho phía bị đơn nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Theo đó, theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự lãi suất cho vay không được vượt quá 20%/năm, nên thỏa thuận lãi suất 36%/năm của các bên được điều chỉnh lại mức 20%/năm, tương đương 1,67%/tháng, bị đơn đã đóng được 04 tháng (từ tháng 5/2022 đến tháng 8/2022). Số tiền lãi trong hạn là $1,67\%/tháng \times 04 \text{ tháng} \times 25.000.000 \text{ đồng} = 1.670.000 \text{ đồng}$. Như vậy, số tiền lãi bị đơn đã đưa sau khi điều chỉnh là $3.000.000 \text{ đồng} - 1.670.000 \text{ đồng} = 1.330.000 \text{ đồng}$, số tiền này sẽ được khấu trừ vào số tiền nợ gốc 28.400.000 đồng bị đơn chưa trả, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 27.070.000 đồng.

[2.3] Bà H xin rút lại toàn bộ yêu cầu tính lãi suất. Xét thấy, việc rút lại toàn bộ yêu cầu tính lãi này của bà H là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà H đối với ông C, bà L về yêu cầu tính lãi suất.

[3] Về án phí:

Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông Trần Văn C, bà Lâm Thị Bích L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào các điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H. Buộc ông Trần Văn C, bà Lâm Thị Bích L phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền vay là 27.070.000 đồng (hai mươi bảy triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả thêm lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Trần Văn C, bà Lâm Thị Bích L về yêu cầu tính lãi suất.

3. Về án phí: Ông Trần Văn C, bà Lâm Thị Bích L phải chịu 1.354.000 đồng (Một triệu ba trăm năm mươi bốn nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị H được nhận lại 710.000 đồng (Bảy trăm mười nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005002 ngày 16/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP, tỉnh An Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án tỉnh An Giang;
- VKSND huyện CP;
- Chi cục THADS Huyện CP;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Cẩm Xuyên